

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 41/2018/DS-ST

Ngày: 11/10/2018

“Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản và hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hùng;

Bà Phan Thị Bé Sáu.

Thư ký phiên toà: ông Lê Trần Minh Châu- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên toà:
Bà Huỳnh Thị Tuyết Phương- Kiểm sát viên.

Vào ngày 11/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2018, về việc tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2018/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị D, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp Long P, xã P, huyện T, Đồng Tháp.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965;

2. Bà Cao Thị Cà E, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: ấp Phú T, xã P, huyện T, Đồng Tháp.

Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/9/2017; bản tự khai ngày 15/9/2017; biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2018; biên bản hòa giải ngày 17/9/2018 và tại phiên toà bà Dương Thị D trình bày: Trước đây vào năm 2008 vợ chồng bà

Cao Thị Cà E có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của bà để mua thiếu phân bón, thuốc trừ sâu về canh tác lúa, với thỏa thuận là sau khi thu hoạch xong mùa vụ sẽ thanh toán tiền và chịu lãi suất là 3%/tháng. Năm 2011, vợ chồng bà Cà E có nợ lại bà tiền mua vật tư nông nghiệp là 25.540.000đ. Đồng thời cũng trong năm 2011 bà Cà E có vay của bà số tiền là 16.000.000đ và 14 chỉ vàng 24K, phần tiền vay lãi suất là 3%/tháng, còn phần vàng là 4%/tháng. Nhưng từ năm 2011 cho đến nay vợ chồng bà Cà E chưa trả lại các khoản tiền trên và cũng không đóng lãi cho bà mà yêu cầu bà khoan nợ lại, sau đó bà Cà E chỉ trả cho bà những khoản tiền mua bán vật tư nông nghiệp hàng năm mà thôi. Năm 2016, bà có ghi vào sổ cho bà Cà E số tiền và vàng mà bà Cà E còn nợ năm 2011 là 41.540.000đ và 14 chỉ vàng 24K và tiền vụ Hè thu năm 2015 còn nợ lại là 11.588.000đ. Ngày 12/3/2017 giữa bà với bà Cà E có đổi chiếu lại sổ sách thì bà Cà E còn thừa nhận nợ bà số tiền vay, tiền mua vật tư nông nghiệp gốc và lãi là 96.854.000đ và 14 chỉ vàng 24K (có làm biên nhận). Sau đó bà Cà E có trả cho bà được 10.000.000đ, hiện nay vợ chồng bà Cà E còn nợ lại số tiền gốc và lãi là 86.854.000đ và 14 chỉ vàng 24K.

Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Cà E có trách nhiệm trả lại số tiền mua vật tư nông nghiệp, tiền vay gồm gốc và lãi là 86.854.000đ và 14 chỉ vàng 24K.

- *Tại bản khai ngày 12/01/2018; biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2018; 11/9/2018; biên bản hòa giải ngày và tại phiên tòa bà Cao Thị Cà E trình bày:* Vào năm 2004- 2005 bà có vay của bà D 2 lần vàng với tổng số vàng đã vay là 14 chỉ vàng 24K, với lãi suất là 2%/tháng. Đến năm 2006 vàng lên giá bà D nâng lãi suất vàng vay lên 3%/tháng. Sau khi vay, bà có đóng lãi cho bà D được đến năm 2011. Năm 2015, bà có thiếu tiền mua vật tư nông nghiệp của bà D là 41.588.000đ, sau đó có trả cho bà D được 30.000.000đ, còn nợ lại 11.588.000đ. Đến năm 2017 bà D tính lãi thành số tiền là 18.914.000đ, bà có trả được 10.000.000đ, hiện còn nợ lại 8.914.000đ. Như vậy, tổng số tiền và vàng hiện nay bà chỉ còn nợ bà D là 14 chỉ vàng 24K, vàng 10 tuổi thị trường và 8.914.000đ

Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà Dương Thị D số tiền 8.914.000đ và 14 chỉ vàng 24K, vàng 10 tuổi thị trường.

- *Tại bản khai ngày 12/01/2018; biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2018 và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn L trình bày:* Việc mua vật tư nông nghiệp của bà D là do vợ ông (Cà E) trực tiếp mua và trả tiền, ông không nghe vợ ông nói có thiếu tiền bà D. Việc vợ ông vay vàng của bà D ông không biết. Tóm lại ông không liên quan gì đến việc mua vật tư nông nghiệp và vay vàng của bà D.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của mình đối với vụ án trên như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, cho đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì thêm đối với vụ án trên.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các Điều 463; 466; 468; 469; 430; 440 Bộ luật Dân sự. Chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị D đối với bà Cao Thị Cà E và ông Nguyễn Văn L. Buộc bà Cà E và ông L có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà D số tiền vay, tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 86.854.000đ và số vàng vay còn thiếu là 14 chỉ vàng 24K, vàng 10 tuổi thị trường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa, bà D yêu cầu bà Cà E và ông L có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền vay và tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu từ tháng 3/2011 với số tiền là 41.540.000đ và tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu năm 2015 là 8.914.000đ và 14 chỉ vàng 24K và tính lãi theo quy định kể từ năm 2011 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Hợp đồng vay tiền, vàng và mua bán vật tư nông nghiệp giữa bà D với vợ chồng bà Cà E là có thật, thực tế đã xảy ra và đã được các bên thừa nhận. Việc bà D yêu cầu vợ chồng bà Cà E có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền vay, tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu từ tháng 3/2011 với số tiền là 41.540.000đ và tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu năm 2015 là 8.914.000đ và 14 chỉ vàng 24K là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, bà D có cung cấp cho Tòa án 01 biên nhận ngày 12/3/2017, thể hiện vợ chồng bà Cà E còn nợ bà D số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 96.854.000đ và 14 chỉ vàng 24K, tại phiên tòa, bà D thừa nhận số tiền trong biên nhận trên bao gồm tiền gốc và tiền lãi cụ thể: số tiền vay gốc năm 2011 là 16.000.000đ, tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu năm 2011 là 25.540.000đ và tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu năm 2016 là 11.588.000đ. Tổng số tiền vay và tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 53.128.000đ, số tiền lãi là 43.726.000đ và 14 chỉ vàng 24K, biên nhận này đã được Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: chữ ký tên “e” và chữ ghi “Cao Thị E” chính là của bà Cà E. Mặc khác, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, bà D và bà Em đều thừa nhận rằng: việc mua bán giữa các bên hàng năm đều có sổ sách để theo dõi. Trong quá trình thu thập chứng cứ, bà Cà E có cung cấp cho Tòa án 1 quyển sổ ngoài bìa sổ ghi “Sổ khách hàng số 01”, (Bút lục số 30, 31), theo bà Cà E trình bày quyển sổ này là do bên bà D ghi, đưa cho bà để theo dõi việc mua bán giữa các bên. Theo nội dung cuốn sổ trên thể hiện: “Ngày 29/3/2011 14 chỉ vàng 24K, tiền 25.540.000đ, tiền 16.000.000đ. Tổng cộng 41.540.000đ, ngày 06/8/2015, tiền củ Hè thu 2015 11.588.000đ”. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/9/2018 và tại phiên tòa, bà Cà E cũng thừa nhận, việc bà D ghi các nội dung trong cuốn sổ trên giao cho bà là thể hiện số tiền bà còn nợ lại bà D, tại phiên tòa bà cũng thừa nhận còn nợ bà D số tiền 50.454.000đ và đồng ý trả cho bà D số tiền trên. Như vậy có đủ căn cứ chứng minh số tiền bà Cà E còn

nợ bà D số tiền vay gốc là 16.000.000đ, tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu năm 2011 là 25.540.000đ và tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu năm 2016 là 11.588.000đ. Tổng số tiền vay và tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 53.128.000đ và 14 chỉ vàng 24K.

[2] Đối với ông L, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, ông trình bày việc mua bán vật tư nông nghiệp giữa bà Cà E và bà D ông không biết nên ông không đồng ý trả số tiền trên cho bà D. Xét thấy lời trình bày này là không có căn cứ chấp nhận, bởi vì, tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông cũng thừa nhận rằng trước đây vợ chồng ông có mua vật tư nông nghiệp của bà D và ông cũng có ký nhận phân, thuốc sâu của bà D giao, tuy ông không ký tên vào biên nhận ngày 12/3/2017 nhưng trong quá trình mua bán, bên bà D có ghi vào sổ của bên ông, số tiền và vàng mà vợ chồng ông còn thiếu bà D, giao lại cho bên ông quản lý. Như vậy cũng ông đã biết số tiền và vàng mà vợ chồng ông còn nợ bà D, nhưng từ đó cho đến nay ông không có ý kiến hay phản đối với bà D về số tiền và vàng trên. Mặc khác, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa bà Cà E cho rằng số tiền và vàng vay của bà D cũng phục vụ trong gia đình. Do đó, ông cũng phải có trách nhiệm cùng bà Cà E trả số tiền trên cho bà D là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, bà Cà E cho rằng trước đây bà chỉ có ký tên vào cuốn sổ lớn của bà D, nội dung bà không có đọc nhưng theo bà D nói là ký nhận nợ 14 chỉ vàng và mấy chục triệu tiền thiếu nên bà ký tên, còn chữ ký tên trong biên nhận ngày 12/3/2017 không phải là của bà, còn đối với số tiền bà D ghi trong quyển sổ khách hàng số 01 thể hiện bà còn nợ bà D năm 2011 số tiền là 41.540.000đ, đây là số tiền lãi bà đã vay trước đó, bà D đã hứa cho bà số tiền trên.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Đối với lời trình bày của bà cho rằng, chữ ký tên trong biên nhận ngày 12/3/2017 không phải là của bà, là không có căn cứ chấp nhận, bởi vì, trong quá trình thu thập chứng cứ, bà Cà E không thừa nhận chữ ký tên trong biên nhận ngày 12/3/2017, nên Tòa án có trưng cầu giám định đối với chữ ký trên. Tại bản kết luận giám định số 578/KL-KTHS ngày 16/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận chữ ký trong biên nhận trên chính là của bà Cà E. Mặc khác, tại phiên tòa, bà D thừa nhận, biên nhận ngày 12/3/2017, bà Cà E ký tên trước đây là trong quyển sổ lớn của bà, khi khởi kiện bà tách biên nhận trên ra để giao nộp cho Tòa án, lời trình bày này phù hợp với lời trình bày của bà Cà E, nên có căn cứ xác định chữ ký tên trong biên nhận ngày 12/3/2017 chính là của bà Cà E.

Đối với lời trình bày của bà cho rằng, số tiền bà còn nợ bà D vào năm 2011 là 41.540.000đ (tiền vay 16.000.000đ, tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu 25.540.000đ), là tiền lãi mà bà D đã hứa cho bà, xét thấy lời trình bày này cũng không có căn cứ chấp nhận, bởi vì bà cho rằng sau khi bà D ghi nội dung bà còn nợ số tiền trên, bà có điện thoại cho bà D và bà D đã hứa cho bà,

nhưng qua đối chất tại phiên tòa, bà D không thừa nhận có thỏa thuận cho bà số tiền trên và bà cũng không có chứng cứ gì để chứng minh, bà D đã thỏa thuận cho bà số tiền trên nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày trên.

Đối với phần tiền lãi, theo bà D và bà Cà E trình bày số tiền vay và tiền mua bán vật tư nông nghiệp 2 bên đều thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, xét thấy mức lãi suất các bên thỏa thuận là quá cao, không đúng theo quy định của pháp luật, do đó cần điều chỉnh lại mức lãi suất là phù hợp và có căn cứ chấp nhận. cụ thể mức lãi suất được tính như sau:

$41.540.000đ \times 1,125\%/tháng \times 69 \text{ tháng (tháng 3/2011 đến tháng 12/2016)} = 32.245.000đ.$

$41.540.000đ \times 1,66\%/tháng \times 21 \text{ tháng (tháng 01/2017 đến tháng 10/2018)} = 14.480.000đ.$

$11.588.000đ \times 1,125\%/tháng \times 16 \text{ tháng (tháng 8/2015 đến tháng 12/2016)} = 2.085.000đ.$

$11.588.000đ \times 1,66\%/tháng \times 21 \text{ tháng (tháng 01/2017 đến tháng 10/2018)} = 4.039.000đ.$

Tổng cộng tiền gốc và lãi là 105.977.000đ, ngày 12/4/2017 đã trả được 10.000.000đ, còn lại 95.977.000đ, đáng lẽ ra vợ chồng bà Cà E còn phải trả lại cho bà D số tiền vay, tiền mua vật tư nông nghiệp gốc và lãi là 95.977.000đ, tuy nhiên bà D chỉ yêu cầu vợ chồng bà Cà E trả lại số tiền 86.854.000đ là có lợi cho phía bà Cà E nghĩ nên chấp nhận.

Đối với số vàng bà D không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bà D tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định là 2.025.000đ (đã nộp xong).

Do yêu cầu của bà D là có căn cứ chấp nhận nên bà Em và ông L phải chịu án phí theo quy định.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, phù hợp với các quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463; 466; 468; 469; 430 và 440 Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị D đối với bà Cao Thị Cà E và ông Nguyễn Văn L.

2/ Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Cao Thị Cà E có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà Dương Thị D số tiền vay và tiền mua vật tư nông nghiệp còn

thiếu gốc và lãi là 86.854.000đ (Tám mươi sáu triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn đồng) và 14 (mười bốn) chỉ vàng 24K, vàng 10 tuổi thị trường.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và phải chịu lãi của số vàng chưa thi hành, theo mức lãi suất bình quân 3 ngân hàng tại địa phương quy định (nếu có), tương ứng với thời gian chưa thi hành án, tại thời điểm thi hành án.

3/ Về án phí:

Bà Cao Thị Cà E và ông Nguyễn Văn L liên đới nộp 6.652.700đ (Sáu triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà Dương Thị D được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.340.000đ (Ba triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000707, ngày 04/01/2018 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ